Số: 88/KH-UBND; 10/04/2026; 19:16:51 +07:00

PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TỨ MINH (ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

STT	Số dự án	Danh mục dự án	Mã số dự án	Loại dự án* *(lựa chọn các giá trị trong ô tính)*	Kế hoạch vốn trong năm 2026		Kịch bản giải ngân vốn đầu tư công năm 2026																																
							Kết quả giải ngân lũy kế 3 tháng			Lũy kế 4 tháng			Lũy kế 5 tháng			Lũy kế 6 tháng			Lũy kế 7 tháng			Lũy kế 8 tháng			Lũy kế 9 tháng			Lũy kế 10 tháng			Lũy kế 11 tháng			Lũy kế 12 tháng			Lũy kế đến tháng 01/2027		
					Tổng số	Trong đó: Vốn GPMB	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Trong đó, chi phí GPMB	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*	*37*	*38*	*39*	*40*
	8	**TỔNG SỐ**			**57,394.088**	**3,593.635**	**12,438.561**	**806.151**	**21.7%**	**13,438.561**	**806.151**	**23.4%**	**15,088.561**	**806.151**	**26.3%**	**22,965.344**	**1,196.151**	**40.0%**	**26,238.653**	**1,196.151**	**45.7%**	**29,460.680**	**2,325.151**	**51.3%**	**36,293.442**	**3,593.169**	**63.2%**	**36,293.442**	**3,593.169**	**63.2%**	**43,604.104**	**3,593.169**	**76.0%**	**57,394.088**	**3,593.169**	**100.0%**	**57,394.088**	**3,593.169**	**100.0%**
1	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và điểm dân cư xã Cẩm Đông	8111439	Dự án đã thi công hoàn thành	5,688.360	390	2,611.577		45.9%	2,611.577		45.9%	2,611.577	0	45.9%	5,688.360	390	100.0%	5,688.360	390	100.0%	5,688.360	390	100.0%	5,688.360	390	100.0%	5,688.360	390	100.0%	5,688.360	390	100.0%	5,688.360	390	100.0%	5,688.360	390	100.0%
2	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và điểm dân cư xã Cẩm Đoài (giai đoạn 1)	8111440	Dự án đang thi công	14,641.213	1,129	0.000		0.0%	0.000		0.0%	0.000	0	0.0%	0.000	0	0.0%	0.000	0	0.0%	2,000.000	1,129	13.7%	4,000.000	1,129	27.3%	4,000.000	1,129	27.3%	6,000.000	1,129	41.0%	14,641.213	1,129	100.0%	14,641.213	1,129	100.0%
3	1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất và nuôi trồng thủy sản xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng	8159529	Dự án đang thi công	9,239.793		3,072.479		33.3%	3,072.479		33.3%	3,722.479		40.3%	6,722.479		72.8%	6,722.479		72.8%	6,722.479		72.8%	6,722.479		72.8%	6,722.479		72.8%	9,239.793		100.0%	9,239.793		100.0%	9,239.793		100.0%
4	1	Cải tạo, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển vùng sản xuất và nuôi trồng thủy sản xã Định Sơn, huyện Cẩm Giàng	8159530	Dự án đang thi công	7,793.348		2,167.238		27.8%	3,167.238		40.6%	3,167.238		40.6%	3,467.238		44.5%	3,467.238		44.5%	3,467.238		44.5%	5,000.000		64.2%	5,000.000		64.2%	7,793.348		100.0%	7,793.348		100.0%	7,793.348		100.0%
5	1	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư số 2 thôn La A, thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng	8175476	Dự án đã thi công hoàn thành	922.205		922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%	922.205		100.0%
6	1	Nhà lớp học 4 trường THCS trên địa bàn huyện Cẩm Giàng	8111430	Dự án đã thi công hoàn thành	3,550.041		276.732		7.8%	276.732		7.8%	276.732		7.8%	276.732		7.8%	3,550.041		100.0%	3,550.041		100.0%	3,550.041		100.0%	3,550.041		100.0%	3,550.041		100.0%	3,550.041		100.0%	3,550.041		100.0%
7	1	Cải tạo mở rộng đường huyện Cẩm Phúc - Lương Điền đoạn Km0+00-Km0+330	8097393	Dự án đã thi công hoàn thành	110.357	11.48	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%	110.357	11.48	100.0%
8	1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và điểm dân cư xã Tân Trường	8163196	Dự án đang thi công	15,448.771	2,063	3,277.973	795	21.2%	3,277.973	795	21.2%	4,277.973	795	27.7%	5,777.973	795	37.4%	5,777.973	795	37.4%	7,000.000	795	45.3%	10,300.000	2,063	66.7%	10,300.000	2,063	66.7%	10,300.000	2,063	66.7%	15,448.771	2,063	100.0%	15,448.771	2,063	100.0%

PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG NĂM 2026 CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TỨ MINH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh)

Đơn vị tính:

STT	Tên dự án	Kế hoạch vốn GPMB năm 2026*	Kết quả giải ngân lũy kế 3 tháng		Lũy kế 4 tháng		Lũy kế 5 tháng		Lũy kế 6 tháng		Lũy kế 7 tháng		Lũy kế 8 tháng		Lũy kế 9 tháng		Lũy kế 10 tháng		Lũy kế 11 tháng		Lũy kế 12 tháng		Lũy kế đến 31/01
			Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*
		3,593.635	**806.151**	**22%**	**806.151**	**22%**	**806.151**	**22%**	**1,196.151**	**33%**	**1,196.151**	**33%**	**2,325.541**	**65%**	**3,593.559**	**100%**	**3,593.559**	**100%**	**3,593.559**	**100%**	**3,593.559**	**100%**	**3,593.559**
1	**Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và điểm dân cư xã Cẩm Đông**	**390.076**	**-**	**0%**	**-**	**0%**	**-**	**0%**	**390**	**100%**	**390**	**100%**	**390**	**100%**	**390**	**100%**	**390**	**100%**	**390**	**100%**	**390**	**100%**	**390**
-	Xã Mao Điền	390.076		0%		0%	0	0%	390	100%	390	100%	390	100%	390	100%	390	100%	390	100%	390	100%	390
2	**Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và điểm dân cư xã Cẩm Đoài (giai đoạn 1)**	**1,129.390**	**-**	**0%**	**-**	**0%**	**-**	**0%**	**-**	**0%**	**-**	**0%**	**1,129**	**100%**	**1,129**	**100%**	**1,129**	**100%**	**1,129**	**100%**	**1,129**	**100%**	**1,129**
-	Phường Tứ Minh	1,129.390	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%	-	0%	1,129	100%	1,129	100%	1,129	100%	1,129	100%	1,129	100%	1,129
3	**Cải tạo mở rộng đường huyện Cẩm Phúc - Lương Điền đoạn Km0+00-Km0+330**	**11.475**	**11**	**100%**	**11**	**100%**	**11**	**100%**	**11**	**100%**	**11**	**100%**	**11**	**100%**	**11**	**100%**	**11**	**100%**	**11.48**	**100%**	**11.48**	**100%**	**11**
-	Xã Mao Điền	11.475	11.48	100%	11.48	100%	11.48	100%	11.48	100%	11.48	100%	11.48	100%	11.48	100%	11.48	100%	11.48	100%	11.48	100%	11.48
3	**Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư và điểm dân cư xã Tân Trường**	**2,062.694**	**795**	**39%**	**795**	**39%**	**795**	**39%**	**795**	**39%**	**795**	**39%**	**795**	**39%**	**2,063**	**100%**	**2,063**	**100%**	**2,063**	**100%**	**2,063**	**100%**	**2,063**
-	Xã Mao Điền	2,062.694	795	39%	795	39%	795	39%	795	39%	795	39%	795	39%	2,063	100%	2,063	100%	2,063	100%	2,063	100%	2,063

· triệu đồng

n hết ngày /2026	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp
25	
100%	
100%	
100%	
100%	
100%	
100%	
100%	
100%	
100%	

PHỤ LỤC 03: KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CỦA UBND PHƯỜNG TỨ MINH (ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Tứ Minh)

Đơn vị tính: Triệu Đồng

STT	Tên địa phương	Kế hoạch vốn trong năm 2026	Kịch bản giải ngân vốn đầu tư công năm 2026																			
			Kết quả giải ngân lũy kế 3 tháng		Lũy kế 4 tháng		Lũy kế 5 tháng		Lũy kế 6 tháng		Lũy kế 7 tháng		Lũy kế 8 tháng		Lũy kế 9 tháng		Lũy kế 10 tháng		Lũy kế 11 tháng		Lũy kế 12 tháng		Lũy kế đến tháng 01/2027	
			Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp	Giá trị giải ngân	Tỷ lệ giải ngân so với kế hoạch vốn cấp
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
	TỔNG SỐ	**59,901**	**24,513**	**40.9%**	**25,513**	**42.6%**	**26,513**	**44.3%**	**27,030**	**45.1%**	**29,330**	**49.0%**	**33,330**	**55.6%**	**40,726**	**68.0%**	**50,726**	**84.7%**	**54,210**	**90.5%**	**59,901**	**100.0%**	**59,901**	**100.0%**